

Số: **17** /2025/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày **05** tháng **9** năm 2025

THÔNG TƯ
Quy định yêu cầu kỹ thuật phục vụ liên thông với
Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia

Căn cứ Luật giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 68/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về Chữ ký số chuyên dùng công vụ;

Căn cứ Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định yêu cầu kỹ thuật phục vụ liên thông với Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định yêu cầu kỹ thuật phục vụ việc liên thông của Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia với tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng, với tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ; việc cập nhật trạng thái của chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài vào hệ thống chứng thực dịch vụ tin cậy.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân sau:

- Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia.
- Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ.
- Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

4. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài được công nhận tại Việt Nam; cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng chữ ký điện tử, chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài được công nhận tại Việt Nam.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Chứng thư chữ ký số gốc của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ” là chứng thư chữ ký số do Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ tự cấp cho mình.

2. “Chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ” là chứng thư chữ ký số do Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ cấp cho thuê bao.

3. “Mô hình công nhận chéo” là mô hình liên thông của hai Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số, trong đó, các cơ quan, tổ chức và cá nhân sử dụng chứng thư chữ ký số được cấp bởi Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số này tin cậy các chứng thư chữ ký số gốc của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số kia và ngược lại.

4. “Danh sách chứng thư chữ ký số gốc tin cậy của Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia và Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ” gồm: Các chứng thư chữ ký số gốc của Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia và các chứng thư chữ ký số gốc của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ.

5. “Danh sách tin cậy” là tập hợp chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài đã và đang được công nhận tại Việt Nam.

6. “Mô hình danh sách tin cậy” là mô hình phục vụ kiểm tra trạng thái chứng thư chữ ký điện tử, chữ ký điện tử nước ngoài trong Danh sách tin cậy.

7. “Hệ thống thông tin phục vụ liên thông của Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia với Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ” là tập hợp phần cứng, phần mềm và cơ sở dữ liệu được sử dụng phục vụ mục đích bảo đảm cho việc kiểm tra hiệu lực chữ ký số chuyên dùng công vụ và công bố danh sách chứng thư chữ ký số gốc tin cậy của Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia và Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ.

8. “Hệ thống chứng thực dịch vụ tin cậy” là tập hợp phần cứng, phần mềm và cơ sở dữ liệu được sử dụng phục vụ mục đích công bố Danh sách tin cậy và thực hiện việc cập nhật trạng thái của chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài được công nhận tại Việt Nam. Hệ thống chứng thực dịch vụ tin cậy được quản lý và vận hành bởi Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia.

Điều 4. Yêu cầu kỹ thuật về việc liên thông của Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia với Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng, Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ

1. Hệ thống thông tin phải bảo đảm cho việc kiểm tra trạng thái chứng thư chữ ký điện tử, chứng thư chữ ký số và kiểm tra hiệu lực chữ ký số, cụ thể:

a) Việc liên thông của Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia với tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo phương thức Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia cấp chứng thư chữ ký số cho Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy (sau đây gọi là Nghị định số 23/2025/NĐ-CP);

b) Việc liên thông của Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia với Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ theo mô hình công nhận chéo.

2. Hệ thống thông tin phục vụ liên thông của Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia với Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng, Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ phải có công cụ, biện pháp để bảo vệ dữ liệu và xác thực dữ liệu trong quá trình kết nối liên thông, cụ thể gồm các nội dung sau:

a) Có giao diện công bố danh sách chứng thư chữ ký số gốc tin cậy của Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia và Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng hoạt động 24/7; có cơ chế đảm bảo kiểm soát quyền truy cập hệ thống và không bị chỉnh sửa trái phép;

b) Quản lý, lưu trữ an toàn Danh sách chứng thư chữ ký số gốc tin cậy của Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia và Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số của Tổ chức cung cấp dịch

vụ chứng thực chữ ký số công cộng đảm bảo tính chính xác, không bị chỉnh sửa trái phép của dữ liệu trong quá trình trao đổi thông tin phục vụ liên thông;

c) Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, các quy định về xác thực dữ liệu tại Điều 20 Luật Dữ liệu 60/2024/QH15 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Các điều kiện kỹ thuật phục vụ liên thông, kết nối cung cấp thông tin để kiểm tra trạng thái chứng thư chữ ký số và kiểm tra hiệu lực chữ ký số, cụ thể như sau:

a) Danh sách chứng thư chữ ký số gốc tin cậy của Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia và Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng được công bố đầy đủ, chính xác trên giao diện công bố quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Các trường thông tin trong chứng thư chữ ký số gốc của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ theo quy định Danh mục tiêu chuẩn và các yêu cầu kỹ thuật bắt buộc áp dụng đối với hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ; các trường thông tin trong chứng thư chữ ký số gốc của Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia và Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng phải tuân thủ yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn quy chuẩn theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 5. Yêu cầu kỹ thuật về việc cập nhật trạng thái của chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài vào Hệ thống chứng thực dịch vụ tin cậy

Yêu cầu kỹ thuật về việc cập nhật trạng thái của chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài vào hệ thống chứng thực dịch vụ tin cậy được quy định như sau:

1. Mô hình cập nhật trạng thái của chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài vào hệ thống chứng thực dịch vụ tin cậy là mô hình danh sách tin cậy phục vụ việc kiểm tra trạng thái chứng thư chữ ký điện tử, chứng thư chữ ký số và kiểm tra hiệu lực chữ ký số theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 23/2025/NĐ-CP.

2. Hệ thống chứng thực dịch vụ tin cậy sử dụng để cập nhật trạng thái của chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài phải có công cụ, biện pháp để bảo vệ dữ liệu và xác thực dữ liệu trong quá trình cập nhật trạng thái, cụ thể:

a) Có giao diện công bố Danh sách tin cậy hoạt động 24/7; có cơ chế đảm bảo kiểm soát quyền truy cập hệ thống và không bị chỉnh sửa trái phép;

b) Quản lý, lưu trữ an toàn Danh sách tin cậy đảm bảo tính chính xác, không bị chỉnh sửa trái phép của dữ liệu trong quá trình trao đổi thông tin phục vụ liên thông;

c) Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, các quy định về xác thực dữ liệu tại Điều 20 Luật Dữ liệu 60/2024/QH15 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Các trường thông tin trong chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài được công nhận tại Việt Nam phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ để phục vụ việc để kiểm tra trạng thái chứng thư chữ ký điện tử, chứng thư chữ ký số và kiểm tra hiệu lực chữ ký số theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định số 23/2025/NĐ-CP.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Đối với Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia

a) Chủ trì, phối hợp với Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ hướng dẫn việc thực hiện quy định về các trường thông tin trong chứng thư chữ ký số của thuê bao; đảm bảo việc trao đổi các chứng thư chữ ký số gốc tin cậy của Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia và Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ chính xác và an toàn;

b) Quản lý và vận hành Hệ thống thông tin của Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia phục vụ liên thông giữa Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia với Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ;

c) Công bố danh sách chứng thư chữ ký số gốc tin cậy của Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia trên trang thông tin điện tử <https://www.rootca.gov.vn>;

d) Tạo lập, công bố và cập nhật Danh sách tin cậy các chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài được công nhận tại Việt Nam khi có sự thay đổi;

đ) Rà soát, trình Bộ Khoa học và Công nghệ cập nhật, ban hành danh sách các chứng thư chữ ký số gốc tin cậy khi có sự thay đổi về các chứng thư chữ ký số gốc của Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia và Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ.

2. Đối với Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ:

a) Thực hiện hướng dẫn về các trường thông tin trong chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ;

b) Quản lý và vận hành Hệ thống thông tin của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ liên thông Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia với Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ;

c) Công bố danh sách chứng thư chữ ký số gốc tin cậy của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ trên trang thông tin điện tử <https://ca.gov.vn>.

3. Các Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng có trách nhiệm thực hiện quy định về các trường thông tin trong chứng thư chữ ký số công cộng.

4. Các Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài được công nhận tại Việt Nam và các thuê bao sử dụng chữ ký điện tử, chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài được công nhận tại Việt Nam có trách nhiệm cập nhật trạng thái của chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài vào hệ thống chứng thực dịch vụ tin cậy trực tiếp hoặc trực tuyến theo hướng dẫn kỹ thuật của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử quốc gia và sử dụng đúng quyền hạn, phạm vi, mục đích sử dụng của chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài được công nhận tại Việt Nam.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân phát triển phần mềm sử dụng chữ ký số có trách nhiệm thực hiện quy định đối với chức năng ký số, kiểm tra hiệu lực chứng thư chữ ký số, chữ ký số của các ứng dụng sử dụng chữ ký số theo yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ký số, phần mềm kiểm tra chữ ký số của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Thông tư số 04/2019/TT-BTTTT ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định việc liên thông giữa Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia và Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kinh tế và Xã hội số, Giám đốc Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia, Thủ trưởng Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ, Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký

số công cộng, Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài được công nhận tại Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, cơ quan, tổ chức và cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng và các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ;
- Lưu: VT, NEAC (20b).

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Hùng